TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **658**/2023/DS-ST
Ngày : 22/8/2023
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHI MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Thu Hương
2. Ông Nguyễn Văn Lợi
- Thư ký phiên tòa : Bà Mai Ánh Ngọc
- là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận*** tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 979/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc *"tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S)
Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 NKKN, phường VTS, Quận 3, TP.H.
Tổ chức đại diện theo ủy quyền khởi kiện:
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S.
Trụ sở: 278 NKKN, phường VTS, Quận 3, TP H
Đại diện: Ông Thân Lê N - Giấy ủy quyền số 548/2022/UQ-TGĐ ngày 28/10/2022 (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Bảo L sinh năm: 2000
HKTT: 247A/40A HVB, Phường 11, quận P, TP H.
Đại diện: Bà Nguyễn Thị Phương V sinh năm: 1976
HKTT: 247A/40A HVB, Phường 11, quận P, TP H.
Giấy ủy quyền ngày 14/4/2023 (*bà V vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2022 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (có ông Thân Lê N đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 23/4/2019, ông Nguyễn Hoàng Bảo L có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - gọi chung là hợp đồng) với hạn mức tín dụng là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 02/8/2019, Ngân hàng đồng ý nâng hạn mức thẻ tín dụng tín chấp cho ông L với hạn mức tín dụng mới là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 262.628.835 (*hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn tám trăm ba mươi lăm*) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoat thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 210.659.686 (*hai trăm mười triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi sáu*) đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/10/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 05/7/2023, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) là 152.993.196 (*một trăm năm mươi hai triệu chín trăm chín mươi ba ngàn một trăm chín mươi sáu*) đồng, trong đó: Nợ gốc: 65.826.132 đồng; Nợ lãi: 87.167.064 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông L tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/7/2023 trở đi cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ nêu trên ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Bảo L (có bà Nguyễn Thị Phương V đại diện theo ủy quyền) mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung phần tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2023). Cụ thể yêu cầu ông L thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 22/8/2023 là 157.100.748 (*một trăm năm mươi bảy triệu một trăm ngàn bảy trăm bốn mươi tám*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 65.826.132 đồng;

- Nợ lãi quá hạn : 91.274.616 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 23/8/2023 cho đến khi ông L trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng.

- *Bị đơn vắng mặt không lý do.*

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thực hiện việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bảng sao kê lịch sử thanh toán thẻ tín dụng của bị đơn, có đủ căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại quận P, Thành phố H. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 65.826.132 *(sáu mươi lăm triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn một trăm ba mươi hai)* đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 23/4/2019 và Phiếu yêu cầu thay đổi hạn mức ngày 30/7/2019 có chữ ký xác nhận của bị đơn ông Nguyễn Hoàng Bảo L thể hiện nội dung hạn mức cấp tín dụng là 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ giao dịch bằng hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo bản sao kê giao dịch do Ngân hàng cung cấp thể hiện, từ ngày 23/10/2020 trở đi, ông L không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Như vậy, căn cứ vào Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (đơn vị phát hành thẻ), Ngân hàng có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán số nợ gốc 65.826.132 *(sáu mươi lăm triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn một trăm ba mươi hai)* đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi 91.274.616 đồng *(chín mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm mười sáu)* đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (đơn vị phát hành thẻ) quy định mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngoài ra, tại Điều 22 của Bản điều khoản nêu trên thể hiện Ngân hàng có quyền thay đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo Quyết định của mình mà không thông báo trước cho chủ thẻ.

Như vậy, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/8/2023 là 91.274.616 đồng *(chín mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm mười sáu)* đồng theo đúng bảng tóm tắt sao kê mà nguyên đơn lập là có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi từ ngày 23/8/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/4/2019.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 7.855.037 (*bảy triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn không*

trăm ba mươi bảy) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.**

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng Bảo L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 22/8/2023 là 157.100.748 (*một trăm năm mươi bảy triệu một trăm ngàn bảy trăm bốn mươi tám* đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 65.826.132 đồng;

- Nợ lãi quá hạn : 91.274.616 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hoàng Bảo L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2019.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hoàng Bảo L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.855.037 (*bảy triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn không trăm ba mươi bảy*) đồng.

- Ngân hàng TMCP S được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.187.000 (*ba triệu một trăm tám mươi bảy ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028960 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Dung